

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Trần Văn Phơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành A, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số A đường Khu A1, ấp A3, xã A4, huyện TB, tỉnh Đồng Nai (ông A vắng mặt, nhưng ông A có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim Ng, sinh năm 19XX

Địa chỉ: Liên kế B, số B1 đường B2, khu dân cư MC, khóm T1, phường T7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (bà Ng vắng mặt, nhưng bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2020 của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành A trình bày:

Ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị Kim Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23 tháng 01 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 9. Trong thời gian chung sống, ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Sau khi kết hôn được một thời gian, ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hôn nhân không thể hàn gắn được. Ông và bà Trần Thị Kim Ng không còn sống chung như vợ chồng kể từ khi bà Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay đã hơn một năm. Vì vậy, ông nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông quyết định xin ly hôn với bà Ng.

Về con chung, trong thời gian chung sống giữa ông và bà Ng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Thành A đã nộp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 9 được Ủy ban nhân dân phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông A và bà Ng vào ngày 23 tháng 01 năm 2018; Đơn đề nghị xin vắng mặt và Đơn đề nghị về việc không tiến hành hòa giải ly hôn.

* Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đề ngày 03 tháng 8 năm 2020 của bị đơn là bà Trần Thị Kim Ng trình bày:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 195/TB-TLVA ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án về việc ông Nguyễn Thành A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung bà Ng có ý kiến như sau: Về hôn nhân bà Ng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thành A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, đơn đề nghị xin vắng mặt và đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ly hôn đều cùng ngày 03 tháng 8 năm 2020.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt là thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành A, về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Kim Ng, là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Thành A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với Trần Thị Kim Ng và bà Ng có địa chỉ tại liên kế B, số B1 đường B2, khu dân cư MC, khóm T1, phường T7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Thành A, bà Trần Thị Kim Ng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Theo các tình tiết được các bên thống nhất, căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị Kim Ng xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 9 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[3.2] Nhưng sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân của ông A, bà Ng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông A ly hôn với bà Ng.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị Kim Ng tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành A và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Ông Nguyễn Thành A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 1

Điều 95, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 4 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị Kim Ng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành A và bà Trần Thị Kim Ng tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thành A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0004507, ngày 23/7/2020, nguyên đơn A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường B, Quận B1, HCM;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

